

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ SÔNG CẦU
TỈNH PHÚ YÊN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 09/2018/DS-ST

Ngày: 23/10/2018

“V/v Đòi lại tài sản”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ SÔNG CẦU**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Văn Tôn

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Ngô Thanh Long

2. Bà Phạm Thị Hiệp

- Thư ký phiên tòa: Ông Lò Nhật Chuyên – Thư ký TAND thị xã Sông Cầu

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Sông Cầu tham gia phiên tòa: Ông Huỳnh Văn Dương - Kiểm sát viên.

Vào hồi 08 giờ 00 phút, ngày 23 tháng 10 năm 2018 tại Trụ sở tòa án nhân dân thị xã Sông Cầu, tỉnh Phú Yên xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 87/2018/TLST - DS ngày 11 tháng 06 năm 2018. Về việc: “Tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản”; theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 10/2018/QĐST-DS ngày 10 tháng 10 năm 2018; giữa các đương sự:

- **Nguyên đơn:** Bà Bùi Thị T, sinh năm 1985

Ông Bùi T, sinh năm 1940

Ông Huỳnh Văn A, sinh năm 1965

Bà Huỳnh Thị P, sinh năm 1967

Ông Bùi Văn L, sinh năm 1976

Ông Bùi Văn H, sinh năm 1982

Địa chỉ: KP.K H, P.X Đ, Tx.S C, tỉnh Phú Yên

Ông Bùi Văn X, sinh năm 1977

Địa chỉ: KP.L H N, P.X P, Tx.S C, tỉnh Phú Yên

(ông T, bà P, ông A, ông L, ông H, ông X đều ủy quyền cho bà Bùi Thị T)

- **Bị đơn:** V/c ông Lê Thái D, sinh năm 1960, bà Trần Thị Q, sinh năm 1964. Địa chỉ: Thôn T S, xã X T 2, thị xã S C, tỉnh Phú Yên.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện của nguyên đơn bà Bùi Thị T; các lời khai có tại hồ sơ vụ án, tại phiên hòa giải ngày 10/10/2018, cũng như tại phiên tòa, nguyên đơn bà Bùi Thị T trình bày:

Năm 2005 vợ chồng ông Lê Thái D, bà Trần Thị Q có nợ bà Nguyễn Thị Thanh (mẹ bà T) số tiền 15.000.000 đồng tiền mua nợ vật liệu xây dựng. Năm 2007 mẹ bà T là bà Thanh chết, bà T có đến đòi nợ nhiều lần nhưng vợ chồng ông D, bà T không trả. Nên nay bà T được cha, anh chị trong gia đình ủy quyền để bà yêu cầu tòa án giải quyết buộc vợ chồng ông D, bà Q trả nợ cho gia đình tôi số tiền 15.000.000 đồng với thời gian mỗi tháng trả 1.000.000 đồng cho đến khi hết nợ, không yêu cầu trả lãi suất từ khi nợ đến khi xét xử. Thời gian trả bắt đầu từ tháng 11/ 2018.

Tại bản trình bày ý kiến ngày 30/08/2018, tại phiên hòa giải ngày 10/10/2018 cũng như tại phiên tòa bị đơn là vợ chồng ông Lê Thái D, bà Trần Thị Q thống nhất trình bày:

Vợ chồng ông D, bà Q xác nhận có nợ của bà Nguyễn Thị Thanh (tên thường gọi là Sáu ảnh) số tiền 15.000.000 đồng có làm giấy viết tay. Vợ chồng ông bà xác định có trả tiền cho bà Thanh nhiều lần nhưng không có làm giấy tờ gì. Nay bà Thanh chết các con bà Thanh yêu cầu vợ chồng ông bà trả lại số tiền 15.000.000 đồng, vợ chồng ông bà đồng ý nhưng hiện tại hoàn cảnh gia đình ông bà khó khăn không có đủ điều kiện trả một lần, nên vợ chồng ông bà xin được trả dần hàng tháng với số tiền mỗi tháng 300.000 đồng.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Sông Cầu phát biểu ý kiến: Việc tuân theo quy định của pháp luật, Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử và các bên đương sự đã thực hiện đúng quy định của pháp luật tố tụng. Về nội dung: Căn cứ vào các tài liệu mà nguyên đơn cung cấp cũng như bị đơn xác nhận còn nợ số tiền 15.000.000 đồng của bà Thanh mẹ của bà T. Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn buộc bị đơn vợ chồng ông Lê Thái D và bà Trần Thị Q trả cho nguyên đơn số tiền còn nợ là 15.000.000 đồng theo yêu cầu của nguyên đơn mỗi tháng 1.000.000 đồng thời gian trả bắt đầu từ tháng 11/ 2018 cho đến khi hết nợ.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa; trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ; ý kiến của nguyên đơn, bị đơn; ý kiến của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền giải quyết: Bị đơn có địa chỉ tại thôn Triều Sơn, xã Xuân Thọ 2, thị xã Sông Cầu, tỉnh Phú Yên nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã Sông Cầu quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự 2015.

[2] Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ kèm theo của nguyên đơn. Nguyên đơn yêu cầu bị đơn trả số tiền còn nợ 15.000.000 đồng là số tiền xuất phát từ vợ chồng ông D và bà Q nợ mẹ nguyên đơn. Nay mẹ nguyên đơn chết, nên nguyên đơn đại diện theo uỷ quyền đòi lại, thì vụ án có quan hệ tranh chấp là Tranh chấp về hợp đồng dân sự về đòi lại tài sản được pháp luật quy định tại Khoản 3 Điều 26 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 và Điều 256 Bộ luật dân sự 2005, không phải là tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản.

[3] Xét yêu cầu của nguyên đơn căn cứ vào giấy xác lập nợ giữa bà Trần Thị Thanh (vợ, mẹ các đồng nguyên đơn) với bị đơn vợ chồng ông Lê Thái D, bà Trần Thị Q để yêu cầu Tòa buộc vợ chồng ông D, bà Q phải trả số tiền nợ 15.000.000 đồng cho nguyên đơn, được bị đơn vợ chồng ông D, bà Q thừa nhận. Nên yêu cầu của nguyên đơn là có căn cứ chấp nhận, ghi nhận sự tự nguyện của nguyên đơn chỉ yêu cầu bị đơn trả mỗi tháng 1.000.000 đồng cho đến khi hết nợ, thời gian trả bắt đầu từ tháng 11/2018.

[5] Xét yêu cầu của bị đơn vợ chồng ông Lê Thái D, bà Trần Thị Q xin nguyên đơn cho trả dần mỗi tháng 300.000 đồng không được nguyên đơn đồng ý. Nên buộc vợ chồng ông D, bà Q mỗi tháng phải trả 1.000.000 đồng cho nguyên đơn, thời gian trả bắt đầu từ tháng 11/ 2018 cho đến khi hết số tiền 15.000.000 đồng là thỏa đáng.

[6] Về án phí: Bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định pháp luật; yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên được hoàn lại tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng:

- Áp dụng Khoản 3 Điều 26, Điểm a Khoản 1 Điều 35, Điểm a Khoản 1 Điều 39, Khoản 1 Điều 147, Điều 271, Khoản 1 Điều 273 và Khoản 1 Điều 280 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

- Áp dụng Điều 255 và Điều 256 của Bộ luật dân sự năm 2005.

- Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, Q lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc bị đơn vợ chồng ông Lê Thái D, bà Trần Thị Q phải trả cho nguyên đơn số tiền 15.000.000 đồng (*Mười lăm triệu đồng*), theo phương thức trả hàng tháng mỗi tháng trả 1.000.000 đồng (*Một triệu đồng*), thời gian bắt đầu trả từ tháng 11/ 2018 cho đến khi hết nợ.

2. Về án phí: Nguyên đơn không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm, hoàn trả cho nguyên đơn số tiền tạm ứng án phí 375.000 đồng (*Ba trăm bảy mươi lăm ngàn đồng*) theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2015/0006594 ngày 22/8/2018 của Chi cục thi hành án dân sự thị xã Sông Cầu, tỉnh Phú Yên.

Vợ chồng ông Lê Thái D, bà Trần Thị Q phải chịu số tiền 750.000 đồng (*Bảy trăm năm mươi ngàn đồng*) án phí dân sự sơ thẩm.

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền,

hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

Trong trường hợp bản án được thi hành theo Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu yêu cầu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

3. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Đương sự
- VKSND T.x Sông Cầu, Phú Yên
- Chi cục thi hành án T.x Sông Cầu, Phú Yên
- Lưu hồ sơ

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

(Đã ký)

Trần Văn Tôn